

THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP BỒI DƯỠNG TRÍ TUỆ CẢM XÚC CHO HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG CẤP SỰ PHẠM MẦM NON ĐẮK LẮK

Đặng Thị Tuyết - Trường Trung cấp Sư phạm Mầm non Đắk Lắk

Ngày nhận bài: 21/10/2019; ngày chỉnh sửa: 23/11/2019; ngày duyệt đăng: 09/12/2019.

Abstract: Emotional intelligence of preschool teachers helps them to achieve success in life and careers, contributing to improving the quality and effectiveness of early childhood education. The article examines the status of students' emotional intelligence at Pedagogical School for Kindergarten Education Dak Lak, thereby it proposes some measures to improve emotional intelligence for students at Pedagogical School for Kindergarten Education Dak Lak.

Keywords: Emotional intelligence, student, Pedagogical School for Kindergarten Education.

1. Mở đầu

“Trí tuệ cảm xúc” (EQ, gọi tắt là TTCX) là một khái niệm đang được nghiên cứu và ứng dụng trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người. Các chuyên gia tâm lý đã khẳng định rằng: khi cá nhân đã có tất cả các yếu tố TTCX, thậm chí với chỉ số thông minh trung bình, cá nhân đó có thể thành đạt trong cuộc sống, trong sự nghiệp. Ngược lại, những người có chỉ số thông minh cao nhưng thiếu hụt TTCX thì họ rất khó thành công trong cuộc sống, thậm chí ở vị trí thấp hơn những người có chỉ số thông minh trung bình nhưng có TTCX cao.

Giáo dục mầm non là bậc học đầu tiên đặt nền móng tạo dựng nhân cách của mỗi người, tạo cơ sở cho sự phát triển lâu dài của xã hội. Sự định hình nhân cách ở trẻ phụ thuộc rất lớn vào giáo viên. Giáo viên không chỉ là người thầy người cô, mà còn là “người mẹ thứ hai” của trẻ. Vì vậy, nghiên cứu TTCX của giáo viên bậc mầm non tương lai giúp chúng ta có thể dự đoán được khả năng thành công trong tương lai của họ cũng như góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác giáo dục ở bậc học mầm non.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm về trí tuệ cảm xúc

Có nhiều quan điểm khác nhau về TTCX. Theo Reuven Bar - On “TTCX là một tổ hợp các năng lực (NL) phi nhận thức và những kỹ năng chi phối NL của cá nhân nhằm đương đầu có hiệu quả với những đòi hỏi và sức ép từ môi trường” [1; tr 15]. Daniel Goleman cho rằng, TTCX tuệ xúc cảm bao gồm những NL: tự kiểm chế, kiểm soát, nhiệt tình, kiên trì và NL tự thôi thúc mình [2] và khẳng định “TTCX không có nghĩa là để cho mọi người tự do và có cảm giác “hãy để mọi thứ tự nhiên” mà có nghĩa là phải kiểm soát được tình cảm để chúng bộc lộ một cách thích hợp và hiệu quả, khuyến khích được những người xung quanh hợp tác ăn ý với nhau để đạt đến mục tiêu chung” [2; tr 25-26].

Như vậy, TTCX liên quan đến NL nhận biết cảm xúc của mình, của người khác và điều khiển kiểm soát cảm xúc của bản thân nhằm giải quyết tốt các tình huống giao tiếp, ứng xử trong cuộc sống.

2.2. Khách thể nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành trong năm học 2018-2019. Khách thể khảo sát gồm 230 học sinh (HS) Trường Trung cấp Sư phạm (TCSP) Mầm non Đắk Lắk. Qua khảo sát, có 6 em HS có số điểm trên 22 bị loại khỏi phân tích, vì đó là những em có nguy cơ đánh giá quá cao bản thân trong thang đo TTCX, do đó mẫu nghiên cứu của chúng tôi còn lại 224 HS.

Nhằm tìm hiểu mức độ TTCX của HS Trường TCSP Mầm non Đắk Lắk và mối quan hệ giữa một số yếu tố tâm lý cá nhân và TTCX, chúng tôi đã sử dụng thang đo ESI-VNY (thang đo TTCX dành cho thanh thiếu niên Việt Nam) của tác giả Phan Thị Mai Hương (2016) [4]. Thang đo này được xây dựng với cách hiểu TTCX là khả năng nhận diện, hiểu, sử dụng và quản lý cảm xúc của con người để thực hiện tốt các nhiệm vụ/ hoạt động trong cuộc sống.

2.3. Thực trạng trí tuệ cảm xúc của học sinh Trường Trung cấp Sư phạm Mầm non Đắk Lắk

2.3.1. Kết quả về mức độ trí tuệ cảm xúc của học sinh

Mức độ TTCX của HS Trường TCSP Mầm non được tính dựa trên kết quả điều tra theo thang đo ESI - VNY của Phan Thị Mai Hương [4], bao gồm 42 item, trong đó bao gồm 6 mặt NL:

- NL thể hiện và sử dụng cảm xúc đối với người khác, gồm 10 items.
- NL kiểm soát cảm xúc tiêu cực, gồm có 8 item.
- NL cảm xúc đối với bản thân, gồm có 6 items
- NL sống hạnh phúc, lạc quan, gồm 5 items.
- NL thể hiện và sử dụng cảm xúc trước hoàn cảnh khó khăn, gồm 4 item.

- NL thể hiện cảm xúc phù hợp, gồm 3 items.

Qua khảo sát, chúng tôi thu được kết quả về mức độ TTCX như số liệu ở *bảng 1*

Bảng 1. Mức độ TTCX của HS Trường TCSP Mầm non Đắk Lắk

Mức độ TTCX	Mức điểm EQ	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Thứ hạng
Rất thấp	$EQ < 75$	12	5,4	6
Thấp	$75 \leq EQ \leq 84$	17	7,6	5
Dưới trung bình	$85 \leq EQ \leq 94$	33	14,7	3
Trung bình	$95 \leq EQ \leq 104$	63	28,1	1
Trên trung bình	$105 \leq EQ \leq 114$	62	27,7	2
Cao	$115 \leq EQ \leq 124$	30	13,4	4
Rất cao	$EQ \geq 125$	7	3,1	7
Tổng		224	100,0	

Số liệu *bảng 1* cho thấy: TTCX của HS trải dài từ mức rất thấp đến mức độ rất cao. Trong 224 khách thể khảo sát, có 99/ 224 HS (chiếm 44,2%) có số TTCX đạt từ mức “trên trung bình” trở lên. Đây là con số đáng vui mừng. Những HS có TTCX cao thường là những người có khả năng nhận diện, hiểu, sử dụng và quản lý cảm xúc của mình để thực hiện tốt các nhiệm vụ hoặc hoạt động trong cuộc sống.

Chuẩn mực nghề nghiệp của giáo viên mầm non đòi hỏi HS Trường TCSP Mầm non phải biết kiểm soát cảm xúc và hành vi của mình, biết thiết lập mối quan hệ và giao tiếp thân thiện, do đó số liệu này cũng phù hợp với thực tiễn. Tuy nhiên, tỉ lệ HS có TTCX ở mức độ “dưới trung bình”; “thấp” và “rất thấp” cũng chiếm tỉ lệ khá cao. Cụ thể, ở mức độ rất thấp chiếm 5,4 %; ở mức độ thấp và dưới trung bình lần lượt chiếm 7,6% và 14,7%. Kết quả này cho thấy, nhiều HS vẫn còn gặp khó khăn lớn trong việc phát triển các NL: NL thể hiện và sử dụng cảm xúc trong mối quan hệ với người khác; NL kiểm soát, điều chỉnh cảm xúc tiêu cực; NL cảm xúc đối với bản thân; NL sống hạnh phúc, lạc quan; NL thể hiện, sử dụng và điều chỉnh cảm xúc trước hoàn cảnh khó khăn; NL điều chỉnh cảm xúc phù hợp. Ngoài ra, TTCX thấp có thể kéo theo NL học tập cũng thấp, vì khi các em không kiểm soát được cảm xúc, không biết sử dụng cảm xúc phù hợp trong các hoàn cảnh khác nhau; mất ý chí, nghị lực phấn đấu sẽ khiến các em mất động lực để theo đuổi mục tiêu học tập hoặc nghề nghiệp của mình. Như

vậy, nhìn chung mức độ TTCX của HS Trường TCSP Mầm non Đắk Lắk đạt ở mức độ tương đối cao, phần lớn HS có mức độ TTCX trên trung bình và trung bình.

Theo nghiên cứu của Phan Trọng Nam (2010) về TTCX của sinh viên Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế, có hơn một nửa sinh viên tham gia trắc nghiệm MSCEIT có mức độ TTCX từ trung bình trở lên, cụ thể: TTCX ở mức trung bình chiếm 44,85% và thấp chiếm 30,7%, ở mức độ cao chiếm 12,23 %, rất cao chiếm 0,21 %, rất thấp chiếm 6,22 % [5].

So sánh với các nghiên cứu trên, có thể thấy có sự tương đồng về tỉ lệ sinh viên có TTCX ở mức độ trung bình và trên trung bình; tuy nhiên, nhìn chung TTCX của HS Trường TCSP MN cao hơn. Nguyên nhân của sự khác biệt có thể do mẫu nghiên cứu ở đây 100% là nữ. Vì khi so sánh mức độ TTCX giữa nam và nữ đã có một số nghiên cứu cho rằng, TTCX ở nữ cao hơn nam giới, chẳng hạn: Trong nghiên cứu của Charbonneau và Nicol (2002) về mối quan hệ giữa TTCX và sự khác biệt giới tính cho thấy nữ giới đạt điểm cao hơn so với nam giới về TTCX. Hay theo Baron-Cohen, 2002; 2003; Gur, Gunning-Dixon, Bilker, & Gur, 2002: Một số khu vực của bộ não dành riêng cho xử lý cảm xúc ở phụ nữ có thể lớn hơn ở nam giới. Một nguyên nhân khiến TTCX của HS nữ cao hơn HS nam vì HS nữ có khả năng ngôn ngữ tốt hơn HS nam, đồng thời khả năng cảm thụ và phân tích cũng tốt hơn HS nam [dẫn theo 5].

Nhìn chung, mức độ TTCX của HS Trường TCSP Mầm non Đắk Lắk tương đối cao, tuy nhiên số lượng HS có TTCX ở mức độ dưới trung bình vẫn còn nhiều. Do đó, cần có những biện pháp tác động tích cực nhằm nâng cao mức độ TTCX cho các em, để trước khi trở thành giáo viên mầm non, các em có nhận thức đúng đắn về TTCX, từ đó luôn biết cố gắng rèn luyện bản thân, để thành công hơn trong cuộc sống, đặc biệt là trong hoạt động nghề nghiệp của mình.

2.3.2. Mức độ trí tuệ cảm xúc theo biến số kết quả học tập

Để tìm hiểu sự ảnh hưởng của kết quả học tập với TTCX của HS, chúng tôi tiến hành xét mối tương quan giữa hai yếu tố, kết quả thu được thể hiện ở *bảng 2*.

Bảng 2. TTCX theo biến số kết quả học tập

Kết quả học tập	N	M	SD	p (2,221)
Giỏi	62	4,37	1,538	9,72***
Khá	127	4,21	1,499	
Trung bình	35	4,08	1,140	

*Chú thích: M: Điểm trung bình; SD: Độ lệch chuẩn; ***: $p < 0,001$*

Kết quả ở *bảng 2* cho thấy, có sự khác biệt giữa các kết quả học tập khác nhau với mức độ tri tuệ (vì $p = ,000 < 0,05$ có ý nghĩa thống kê); HS có học lực giỏi có mức độ TTCX cao hơn ($M=4,37$) so với HS có học lực khá ($M=4,21$) và trung bình ($M=4,08$). Có sự tăng tiến về mức độ TTCX theo kết quả học tập. Mức độ TTCX cao nhất thuộc nhóm HS có kết quả học tập giỏi ($M = 4,37$), thứ hai là nhóm HS khá ($M = 4,21$), thấp nhất là nhóm HS trung bình ($M = 4,08$).

Kết quả này cũng tương đồng với các nghiên cứu trong và ngoài nước. Theo kết quả nghiên cứu của Parker và cộng sự (2004), đã đối chiếu hồ sơ học tập của sinh viên với dữ liệu TTCX và thấy rằng những người thuộc nhóm sinh viên thành công trong học tập đạt điểm cao hơn đáng kể so với những người thuộc nhóm sinh viên không thành công về mặt cá nhân, quản lý căng thẳng và khả năng thích ứng, đến TTCX tổng thể [6]. Trong một nghiên cứu khác của Khajehpour (2011), có thể thấy rằng, thông qua TTCX có thể dự đoán đáng kể thành tích học tập của cá nhân [7].

2.3.3. Tương quan giữa kết quả học tập và tri tuệ cảm xúc của học sinh

Bảng 3. Mối tương quan giữa kết quả học tập và TTCX

	TTCX	Kết quả học tập
TTCX	1	
Kết quả học tập	0,021*	1

*Chú thích: *: $p < 0,001$*

Kết quả ở *bảng 3* cho thấy có mối tương quan thuận giữa mức độ TTCX và học lực ($r = 0,021$) và có ý nghĩa về mặt thống kê ($p < 0,05$). Điều này chứng tỏ mức độ TTCX của HS Trường TCSP Mầm non Đăk Lăk phụ thuộc vào kết quả học tập, nghĩa là HS có học lực cao thì mức độ TTCX cũng cao và ngược lại.

Kết quả ở *bảng 3* cho thấy có mối tương quan thuận giữa mức độ TTCX và học lực ($r = 0,021$) và có ý nghĩa về mặt thống kê ($p < 0,05$). Điều này chứng tỏ mức độ TTCX của HS Trường TCSP Mầm non Đăk Lăk phụ thuộc vào kết quả học tập, nghĩa là HS có học lực cao thì mức độ TTCX cũng cao và ngược lại. Tuy nhiên, vẫn có trường hợp kết quả học tập đạt loại giỏi nhưng mức độ TTCX lại thấp, nên sự tương quan này không chặt chẽ lắm. Kết quả trong nghiên cứu này phù hợp với những phát hiện của Fallahzadeh H (2011) về mối quan hệ giữa TTCX và kết quả học tập của sinh viên y khoa ở Iran cho thấy có mối tương quan giữa TTCX và kết quả học tập ($r = 0,14$, $p = 0,039$) Hay so sánh kết quả này với các nghiên cứu trong nước cũng cho thấy có mối tương quan giữa TTCX và kết quả học tập [3], [4].

2.4. Đề xuất một số biện pháp nhằm bồi dưỡng tri tuệ cảm xúc cho học sinh Trường Trung cấp Sư phạm Mầm non Đăk Lăk

Xuất phát từ cơ sở lí luận và kết quả từ thực trạng về mức độ TTCX của HS Trường TCSP Mầm non Đăk Lăk, chúng tôi đề xuất một số biện pháp nhằm bồi dưỡng TTCX cho HS của Trường:

2.4.1. Nâng cao về nhận thức và thái độ cho học sinh về tri tuệ cảm xúc

- *Mục đích:* Thông qua việc cung cấp cho HS hệ thống những tri thức về khái niệm, cấu trúc, bản chất của TTCX để giúp các em có hiểu biết chính xác, khoa học và toàn diện hơn về TTCX cũng như vai trò của TTCX trong cuộc sống, học tập và hoạt động của con người. Trên cơ sở đó, HS sẽ nảy sinh nhu cầu học tập và có thái độ tích cực rèn luyện, tham gia các hoạt động trải nghiệm để phát triển TTCX ở bản thân.

- *Cách thực hiện:*

+ Mời chuyên gia tâm lí báo cáo các chuyên đề có liên quan đến chủ đề TTCX như: bản chất, vai trò, tầm quan trọng, mức độ ảnh hưởng của TTCX trong mọi lĩnh vực của cuộc sống, đặc biệt là với hoạt động học tập và nghề nghiệp của con người cho HS các khóa trong trường.

+ Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về TTCX cho sinh viên với hình thức thi viết và thi hùng biện. Khi tham gia các cuộc thi này, sinh viên sẽ tích cực, chủ động tự tìm hiểu thêm những kiến thức về TTCX để có thể thực hiện tốt phần dự thi của mình, nhờ đó HS tự bồi dưỡng và phát triển nhận thức và thái độ đúng đắn về TTCX cho bản thân.

2.4.2. Tổ chức cho học sinh giải quyết các bài tập tình huống nhằm giúp các em rèn luyện, nâng cao kĩ năng nhận biết và thể hiện cảm xúc

- *Mục đích:* Thiết kế các hoạt động cho HS tham gia trải nghiệm và nhận xét, đánh giá, giải quyết các tình huống cụ thể có liên quan đến TTCX, qua đó HS sẽ có cơ hội rèn luyện nâng cao kĩ năng nhận biết và thể hiện cảm xúc cho bản thân.

- *Cách thực hiện:* Tổ chức các buổi thảo luận theo nhóm cho HS tham gia để lần lượt chia sẻ những tình huống bản thân gặp phải, trên cơ sở đó nhóm sẽ giải đáp những thắc mắc cho mỗi thành viên, trao đổi kinh nghiệm, phân tích các tình huống đã xảy ra và đánh giá từng hành vi, thái độ xúc cảm được thể hiện trong hành vi đó, từ đó tìm ra cách giải quyết phù hợp nhất.

Nhờ những hiểu biết về TTCX, khi tham gia nhóm thảo luận tình huống, HS sẽ luyện tập đánh giá, phân tích những cảm xúc, suy nghĩ, cách ứng xử của bản thân hoặc

đánh giá lẫn nhau trong cách xử lí các tình huống mà các em đã giải quyết thành công hoặc thất bại.

2.4.3. Phát triển các năng lực cảm xúc xã hội cho học sinh

- *Mục đích:* NL cảm xúc xã hội là tiền đề của TTCX. Phát triển các NL cảm xúc xã hội cho HS giúp các em hình thành TTCX một cách nhanh chóng và bền vững.

NL cảm xúc xã hội đó là những NL giúp HS ứng xử với chính mình, với người khác, với các mối quan hệ và hoạt động một cách hiệu quả, bao gồm các NL: tự nhận thức, tự quản lí, đưa ra quyết định có trách nhiệm, nhận thức xã hội, kĩ năng giao tiếp. Trong tự nhận thức, cần dạy cho HS cách nhận biết các cảm xúc của bản thân, các đặc điểm của bản thân. Ở kĩ năng quản lí, HS sẽ học được cách kiểm soát cảm xúc của bản thân, biết phản ứng phù hợp trước các tình huống căng thẳng, khó khăn. Kĩ năng đưa ra quyết định có trách nhiệm giúp HS hiểu biết cách đưa ra quyết định dựa trên cách chuẩn mực xã hội và hướng tới giúp đỡ người khác. Với kĩ năng nhận thức xã hội, cần dạy HS biết đứng trên những quan điểm của người khác để thông cảm với những người xuất thân từ những hoàn cảnh sống và từ nền văn hóa khác với cá nhân mình, để hiểu rõ các chuẩn mực đạo đức xã hội hành vi và xác định được các nguồn lực hỗ trợ từ phía gia đình, trường học và cộng đồng. Kĩ năng giao tiếp giúp HS biết thiết lập và duy trì mối quan hệ lành mạnh và bổ ích với các cá nhân và các nhóm khác nhau. Khả năng này bao gồm giao tiếp rõ ràng, lắng nghe tích cực, hợp tác, chống lại áp lực xã hội không phù hợp, đàm phán xung đột trên tinh thần xây dựng, tìm kiếm và cung cấp sự giúp đỡ khi cần thiết.

- *Cách thực hiện:* Tổ chức giáo dục kĩ năng sống cho HS thông qua các cuộc thi nghiệp vụ sư phạm, các buổi giao lưu giữa HS trong trường với các trường, các cơ quan khác...

2.4.4. Tập huấn các kĩ năng phát triển trí tuệ cảm xúc cho học sinh

- *Mục đích:* Rèn luyện TTCX cho HS, từ đó các em có thể ứng dụng TTCX trong cuộc sống.

- *Cách thực hiện:* Mở các khóa học, khóa tập huấn về kĩ năng cảm xúc cho HS, ví dụ như các khóa học phát triển kĩ năng quản lí cảm xúc, kĩ năng sử dụng cảm xúc, kĩ năng thấu cảm...

Khóa tập huấn về TTCX cần tập trung vào các nội dung: vai trò, ý nghĩa của kĩ năng TTCX, cách nhận biết cảm xúc của người khác dựa trên các dấu hiệu cơ bản phi ngôn ngữ và ngôn ngữ, sử dụng và quản lí cảm xúc của mình và người khác; dạy HS biết cách thể hiện cảm xúc trong mối quan hệ với người khác, kiểm soát, điều chỉnh cảm xúc tiêu cực, NL cảm xúc đối với bản thân, khả năng sống hạnh phúc, lạc quan, NL thể hiện, sử dụng và điều

chỉnh cảm xúc trước hoàn cảnh khó khăn, NL điều chỉnh cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh và đối tượng; chỉ ra cho HS thấy những ảnh hưởng tiêu cực của việc thiếu sự đồng cảm, hướng dẫn biện pháp để gia tăng TTCX.

2.4.5. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa

- *Mục đích:* Tạo cơ hội cho HS mở rộng mối quan hệ, biết đoàn kết, yêu thương, thấu hiểu nhau hơn, trên cơ sở đó gia tăng TTCX trong các mối quan hệ của HS; giúp HS rèn luyện khả năng cảm xúc thông qua những hành động quan tâm, hợp tác, lắng nghe, chia sẻ, và giúp đỡ lẫn nhau.

- *Cách thực hiện:* Thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa về các chủ đề: Thanh niên học tập, rèn luyện vì sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước; thanh niên với tình bạn, tình yêu, hôn nhân và gia đình; thanh niên với truyền thống hiếu học và tôn sư trọng đạo...

Tổ chức các diễn đàn trong trường học: Tạo cơ hội, môi trường cho HS được bày tỏ ý kiến, suy nghĩ về những vấn đề các em quan tâm cũng như khẳng định mình bằng những hành vi tích cực. Qua đó, thầy cô giáo, cha mẹ HS và những người lớn có liên quan nắm bắt được những băn khoăn, lo lắng và mong đợi của các em...; tăng cường cơ hội giao lưu giữa người lớn và trẻ em, giữa trẻ em với trẻ em và thúc đẩy quyền trẻ em trong trường học; giúp HS thực hành quyền được bày tỏ ý kiến, quyền được lắng nghe và quyền được tham gia...; đồng thời, giúp các nhà giáo dục nhận biết được những vấn đề mà HS quan tâm, từ đó có biện pháp giáo dục và xây dựng chính sách phù hợp với các em.

2.4.6. Tổ chức cho học sinh vận dụng những hiểu biết về trí tuệ cảm xúc và giải quyết các tình huống của cuộc sống xã hội

- *Mục đích:* giúp HS biết vận dụng những hiểu biết về TTCX vào thực tiễn cuộc sống.

- *Cách thực hiện:* Tổ chức cho HS hòa nhập vào môi trường giáo dục thực tiễn trong các nhà trường mầm non từ sớm để họ được tiếp xúc trực tiếp với các tình huống sư phạm, qua đó hình thành phát triển và thể hiện NL cảm xúc của bản thân. Cụ thể là giúp HS phát triển NL cảm xúc, có kĩ năng đồng cảm với người khác, kĩ năng sử dụng cảm xúc, quản lí cảm xúc của bản thân một cách phù hợp trong giao tiếp, học tập, thực tập sư phạm cũng như trong các hoạt động khác của cuộc sống.

3. Kết luận

Giáo dục mầm non được xác định là “mắt xích đầu tiên” trong hệ thống giáo dục quốc dân. Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1... Trẻ mầm non là

tuổi chập chững bước vào đời, còn non nớt cả về mặt thể chất lẫn tâm lý, do đó nhiệm vụ của giáo viên mầm non là vừa chăm sóc vừa giáo dục trẻ. Sự phát triển của trẻ hầu như phụ thuộc vào người lớn; trong đó, giáo viên mầm non như “người mẹ thứ hai” của trẻ, có vai trò rất lớn trong việc hình thành và phát triển nhân cách cho trẻ. Vì vậy, việc bồi dưỡng TTCX cho HS sư phạm mầm non là rất cần thiết, là điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng giáo dục nhân cách cho trẻ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bar-On, R. (2006). *The Bar-On model of Emotional Social Intelligence (ESI)*. Psicothema, Vol. 18 (sup), pp. 13-25.
- [2] Daniel Goleman (Phương Thúy - Minh Phương - Phương Linh dịch, 2007). *Trí tuệ xúc cảm ứng dụng trong công việc*. NXB Tri thức.
- [3] Fallahzadeh H. (2011). *The Relationship between Emotional Intelligence and Academic Achievement in medical science students in Iran*. Procedia - Social and Behavioral Sciences, Vol. 30, pp. 1461-1466.
- [4] Phan Thị Mai Hương (2016). *Một số đặc điểm tâm trức của thang đo trí tuệ cảm xúc dành cho thanh thiếu niên*. Tạp chí Tâm lý học, số 4, tr 1-14.
- [5] Phan Trọng Nam (2012). *Trí tuệ cảm xúc của sinh viên đại học sư phạm*. Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [6] Parker et al (2004). *Academic achievement in high school: does emotional intelligence matter?* Personality and Individual Differences, Vol. 37. Issue 7, pp. 1321-1330.
- [7] Khajehpour (2011). *Relationship between emotional intelligence, parental involvement and academic performance of high school students*. Procedia - Social and Behavioral Sciences, Vol. 15, pp. 1081-1086.
- [8] Nguyễn Bá Phú (2016). *Kỹ năng quản lý cảm xúc bản thân của sinh viên sư phạm*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- [9] Dương Hoàng Yến (2008). *Về mô hình trí tuệ cảm xúc thuần năng lực của J. Mayer và P. Salovey - Một đóng góp quan trọng đầu tiên về quan điểm EI là một dạng trí tuệ mới*. Tạp chí Tâm lý học, số 4, tr 6-9.
- [10] Nguyễn Thị Thanh Huyền (2018). *Ứng dụng mô hình trí tuệ cảm xúc của John Mayer và Peter Salovey để xác định các yếu tố trí tuệ cảm xúc trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non*. Tạp chí Giáo dục, số 440, tr 21-25; 53.

THỰC TRẠNG KHÓ KHĂN TÂM LÝ...

(Tiếp theo trang 19)

Khi xét riêng với từng lĩnh vực thì những khó khăn của cha mẹ ở từng lĩnh vực có các mức độ khác nhau. Trong đó, cha mẹ có con tự kỉ gặp khó khăn nhất trong lĩnh vực *KKTL về giải tỏa cảm xúc tiêu cực*, tiếp đến là *KKTL về thiếu thông tin liên quan đến trẻ tự kỉ* và ít khó khăn nhất là *KKTL về đòi hỏi đối xử bình đẳng, không kì thị, xa lánh trẻ tự kỉ*.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy cha mẹ có con tự kỉ ở TP. Vinh, tỉnh Nghệ An gặp *KKTL* trong chăm sóc, giáo dục con ở mức trung bình. Trong đó, khó khăn nhất là cảm giác chán nản, sợ hãi khi biết con bị tự kỉ và ít nhất là *KKTL* về giao tiếp với cha mẹ hoặc người thân các gia đình cũng có con tự kỉ. Dựa trên kết quả nghiên cứu thực trạng này có thể giúp cha mẹ có con tự kỉ tìm ra biện pháp, cách thức chăm sóc, giáo dục đúng đắn, phù hợp.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hoàng Phê (1997). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.
- [2] Nguyễn Thị Hoàng Yến (2015). *Tự kỉ: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Jean Noel Christine (2016). *Giải thích chứng tự kỉ cho cha mẹ* (Thân Thị Mận dịch). NXB Tri thức.
- [4] Alexandra H.Solomon - Beth Chung (2012). *Understanding autism: How family therapists can support parents of children with autism spectrum disorder*. Family Process, Vol. 51 (No 2), pp. 75-83.
- [5] Ngô Xuân Điệp (2009). *Nghiên cứu nhận thức của trẻ tự kỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh*. Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Viện Tâm lý học.
- [6] Vũ Thị Bích Hạnh (2007). *Tự kỉ, phát hiện sớm và can thiệp sớm*. NXB Y học.
- [7] Nguyễn Thị Mai Lan (2013). *Trẻ tự kỉ ở nước ta hiện nay, một vài lý luận và thực tiễn*. NXB Từ điển Bách khoa.
- [8] Lê Thị Phương Nga (2018). *Đưa con trở lại thiên đường*. NXB Phụ nữ.
- [9] American Psychiatric Association (2013). *Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorders (DSM-5)*.
- [10] Vu Song Ha - Andrea Whitaker - Maxine Whitaker - Sylvia Rodger (2014). *Living with autism spectrum disorder in Hanoi*. Journal Socia Sience and Medicine, Vol. 120, pp. 278-285.
- [11] Nguyễn Văn Siêm (2007). *Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên*. NXB Đại học Quốc gia.
- [12] Dana Castro và cộng sự (2015). *Tâm lý học lâm sàng*. NXB Tri thức
- [13] Phạm Toàn - Lâm Hiếu Minh (2014). *Thấu hiểu và hỗ trợ trẻ tự kỉ*. NXB Trẻ.